UBND PHƯỜNG ĐÔNG GIA NGHĨA
**TRƯỜNG MN HOA LAN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 12A/QĐ-HL

*Đông Gia Nghĩa, ngày 21 tháng 5 năm 2026*

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc công khai dự toán thu, chi Ngân sách nhà nước năm 2026 Trường MN Hoa Lan

## HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MN HOA LAN

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ tài Chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 766/QĐ - UBND, ngày 08/05/2026 của UBND phường Đông Gia Nghĩa về việc bổ sung kinh phí năm 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 12/QĐ - HL, ngày 21/5/2026 của Trường MN Hoa Lan về việc giao bổ sung dự toán thu, chi NSNN năm 2026;*

*Theo đề nghị của bộ phận kế toán.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1**. Công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 của Trường Mầm non Hoa Lan theo Quyết định giao dự toán của cấp có thẩm quyền và biểu công khai kèm theo Quyết định này.

**Điều 2**. Nội dung công khai gồm:

Dự toán thu ngân sách nhà nước được giao năm 2026 (*Theo Quyết định số 766/QĐ - UBND, ngày 08/05/2026* ).

**Điều 3.** Hình thức công khai:

Niêm yết công khai tại bảng thông báo của Trường Mầm non Hoa Lan.

Công khai trên Trang thông tin điện tử của đơn vị.

Thực hiện theo quy định của pháp luật về công khai ngân sách; việc công khai dự toán được thực hiện chậm nhất trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao dự toán hoặc giao điều chỉnh dự toán.

**Điều 4.** Bộ phận kế toán chịu trách nhiệm lập biểu công khai; các bộ phận, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

***Nơi nhận:***
- Website
- Như điều 3;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

U.N.D PHƯỜNG ĐỒNG GIA NGHĨA T. LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG MẦM NON HOA LAN

Hà Thị Phương Nga

**Đơn vị: Trường Mầm non Hoa Lan**

**Chương: 822**

**Mẫu biểu số 74**

# DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2026

*(Kèm theo Quyết định số 12A/QĐ-HL ngày 21/5/2026 của trường MN Hoa Lan)*

*(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)*

*Đơn vị: Đồng*

| STT | Nội dung | Dự toán được giao |
|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 |
| **A** | **Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí** | |
| **I** | **Số thu phí, lệ phí** | |
| **1** | **Lệ phí** | |
| **2** | **Phí** | |
| **II** | **Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại** | |
| ***1*** | ***Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề*** | |
| a | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ | |
| b | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | |
| ***2*** | ***Chi quản lý hành chính*** | |
| a | Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ | |
| b | Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ | |
| **III** | **Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước** | |
| **1** | **Lệ phí** | |
| **2** | **Phí** | |
| **B** | **Dự toán chi ngân sách nhà nước** | **198.941.000** |
| **I** | **Nguồn ngân sách trong nước** | **198.941.000** |
| **1** | **Chi quản lý hành chính** | |
| 1.1 | Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ | |
| 1.2 | Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ | |
| **2** | **Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số** | |
| 2.1 | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ | |
| - | *Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ* | |
| - | *Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ* | |
| 2.2 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ | |
| 2.3 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | |
| - | *Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo* | |
| - | *Nhiệm vụ chuyển đổi số* | |
| **3** | **Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo** | **198.941.000** |
| 3.1 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ | |
| 3.2 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | 198.941.000 |
| **4** | **Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình** | |
| 4.1 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ | |
| 4.2 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | |
| **5** | **Chi bảo đảm xã hội** | |
| 5.1 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ | |

| STT | Nội dung | Dự toán được giao |
|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 |
| 5.2 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | |
| **6** | **Chi hoạt động kinh tế** | |
| 6.1 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ | |
| 6.2 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | |
| **7** | **Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường** | |
| 7.1 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ | |
| 7.2 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | |
| **8** | **Chi sự nghiệp văn hóa thông tin** | |
| 8.1 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ | |
| 8.2 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | |
| **9** | **Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn** | |
| 9.1 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ | |
| 9.2 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | |
| **10** | **Chi sự nghiệp thể dục thể thao** | |
| 10.1 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ | |
| 10.2 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | |
| **II** | **Nguồn vốn viện trợ** | |
| **1** | **Chi quản lý hành chính** | |
| **2** | **Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số** | |
| **3** | **Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo** | |
| **4** | **Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình** | |
| **5** | **Chi bảo đảm xã hội** | |
| **6** | **Chi hoạt động kinh tế** | |
| **7** | **Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường** | |
| **8** | **Chi sự nghiệp văn hóa thông tin** | |
| **9** | **Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn** | |
| **10** | **Chi sự nghiệp thể dục thể thao** | |
| **III** | **Nguồn vay nợ nước ngoài** | |
| **1** | **Chi quản lý hành chính** | |
| **2** | **Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số** | |
| **3** | **Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề** | |
| **4** | **Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình** | |
| **5** | **Chi bảo đảm xã hội** | |
| **6** | **Chi hoạt động kinh tế** | |
| **7** | **Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường** | |
| **8** | **Chi sự nghiệp văn hóa thông tin** | |
| **9** | **Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn** | |
| **10** | **Chi sự nghiệp thể dục thể thao** | |

| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**PHƯỜNG ĐÔNG GIA NGHĨA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 766 /QĐ-UBND | *Đông Gia Nghĩa, ngày 08 tháng 5 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc bổ sung kinh phí năm 2026

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐÔNG GIA NGHĨA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025 và các văn bản hướng dẫn Luật NSNN;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;*

*Căn cứ Thông tư số 133/2025/TT-BTC ngày 24/12/2025 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;*

*Căn cứ Thông báo số 451-TB/ĐU ngày 03/5/2026 củ Đảng uỷ phường Đông Gia Nghĩa ý kiến chỉ đạo của Thường trực Đảng uỷ tại cuộc họp giao ban ngày 03/5/2026;*

*Căn cứ Quyết định số 1307/QĐ-UBND ngày 27/12/2025 của UBND phường Đông Gia Nghĩa về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2026.*

*Theo đề nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đông Gia Nghĩa tại Tờ trình số 244 /TTr-KTHT&ĐT ngày 08 tháng 5 năm 2026.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Bổ sung kinh phí năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ với tổng số tiền: **4.635.089.000 đồng** *(Bằng chữ: Bốn tỷ, sáu trăm ba mươi lăm triệu, không trăm tám mươi chín nghìn đồng chẵn),* cụ thể:

*(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).*

* Nguồn kinh phí bố trí: Nguồn cải cách tiền lương năm 2026.

**Điều 2.** Giao phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường thông báo và lập thủ tục cấp phát kinh phí kịp thời cho các đơn vị thụ hưởng. Thủ trưởng các đơn vị thụ hưởng có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích và thanh quyết toán theo quy định tài chính hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND & UBND phường; Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường; Thủ trưởng các đơn vị thụ hưởng có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- TT. HĐND phường (b/c);
- KBNN khu vực XVI - Phòng giao dịch số 5;
- CT, các PCT UBND phường;
- Lưu: VT, KT (Ng03).

**CHỦ TỊCH**

**Thạch Cảnh Tịnh**

# PHỤ LỤC

*(Kèm theo Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2026 của UBND phường Đông Gia Nghĩa)*

*Đơn vị tính: Đồng*

| STT | Nội dung | Số tiền | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| **I** | **Các đơn vị sự nghiệp** | **3.493.188.000** | |
| 1 | Trường Mầm non Tân Lập Thành | 119.761.000 | |
| 2 | Trường Mầm non Hoa Lan | 198.941.000 | |
| 3 | Trường Mầm non Hoạ Mi | 229.891.000 | |
| 4 | Trường Tiểu học Thăng Long | 411.597.000 | |
| 5 | Trường Tiểu học Trần Quốc Toản | 217.676.000 | |
| 6 | Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân | 225.117.000 | |
| 7 | Trường Tiểu học Tô Hiệu | 199.031.000 | |
| 8 | Trường TH&THCCS Trần Văn Ơn | 328.087.000 | |
| | *Sự nghiệp Tiểu học* | *158.540.000* | |
| | *Sự nghiệp THCS* | *169.547.000* | |
| 9 | Trường THCS Phan Bội Châu | 282.007.000 | |
| 10 | Trường THCS Nguyễn Tất Thành | 868.809.000 | |
| 11 | Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp phường Đông Gia Nghĩa | 137.199.000 | |
| 12 | Trạm Y tế phường Đông Gia Nghĩa | 275.072.000 | |
| **II** | **Các cơ quan hành chính** | **1.141.901.000** | |
| 1 | Văn phòng Đảng uỷ phường Đông Gia Nghĩa | 328.199.000 | |
| 2 | Văn phòng HĐND&UBND phường Đông Gia Nghĩa | 249.070.000 | |
| 3 | UBMTTQ Việt Nam phường Đông Gia Nghĩa | 165.166.000 | |
| 4 | Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đông Gia Nghĩa | 157.023.000 | |
| 5 | Phòng Văn hoá - Xã hội phường Đông Gia Nghĩa | 147.083.000 | |
| 6 | Trung tâm Phục vụ Hành chính công phường Đông Gia Nghĩa | 95.360.000 | |
| | **Tổng cộng** | **4.635.089.000** | |